

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 24-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TIÊN - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ni, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị M T, sinh năm 1979, nơi sinh: HT - KG. Nơi cư trú: tổ 1, khu phố D, phường B, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang; CMND số: 370835181; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H và bà Phạm Thị M; chồng là Trịnh Văn L và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 45, ngày 15/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06, ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.
(có mặt)

Bị hại: Bà Đặng Thị Mỹ D (tự: Th), sinh năm 1974. Địa chỉ: tổ 9, khu phố C, phường P, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị L (tự Lượm), sinh năm 1962. Địa chỉ: tổ 1, khu phố D, phường B, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị M (có mặt)
2. Chị Mã Thị T2 T2 (có mặt)
3. Bà Nguyễn Mộng V (vắng mặt)

4. Chị Phạm Thị N (có mặt)
5. Ông Nguyễn Phụng T3 (có mặt)
6. Ông Ngô Văn T4 (có mặt)
7. Anh Huỳnh Văn L2(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 25/8/2017 Phạm Thị M T đang ngồi uống nước cùng với bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị N và Huỳnh Thị Đ tại nhà bà Nguyễn Mộng V, thuộc khu phố D, phường B, thị xã Hà T3, tỉnh Kiên Giang, thì xảy ra cự cãi với bà Đặng Thị Mỹ D và chị Mã Thị T2 T2, bà D và chị T2 xông vào đánh nhau với T, trong lúc đánh nhau bà T bị bà D dùng móng tay cào cấu vào vùng mặt gây ra nhiều vết thương trầy xước phần mềm vùng mi dưới mắt phải, vùng mặt lòng mô cái tay phải, còn bà D thì bị hai chiếc nhẫn trang sức của bà T đeo trên tay cào trúng gây ra các vết thương vùng má trái, vùng môi dưới phải và vùng cằm trái gây thương tích. Sau khi bị thương tích bà D được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa thị xã Hà T3 điều trị đến ngày 31/8/2017 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 706/KL-PY ngày 05/12/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với bà Đặng Thị Mỹ D.

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Sẹo phần mềm vùng trán – thái dương phải, má trái và môi dưới phải.
 - Sẹo co kéo ảnh hưởng thẩm mỹ vùng trán phải (2 vết) và vùng cằm trái.
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:
 - Vùng trán – thái dương phải là **06%** (Sáu phần trăm)
 - Vùng trán phải (02 vết) mỗi vết là **11%** (Mười một phần trăm).
 - Vùng má trái là: **01%** (Một phần trăm).
 - Vùng môi dưới phải là: **01%** (Một phần trăm)
 - Vùng cằm trái là: **11%** (Mười một phần trăm).
3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích trên gây nên hiện tại là: 19% (Mười chín phần trăm)
4. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích ở vùng má trái, môi dưới và vùng cằm hiện tại là **13%** (Mười ba phần trăm).
5. Vật gây thương tích:
 - Thương tích vùng trán – thái dương phải và trán phải do vật có góc cạnh gây nên.
 - Thương tích vùng má trái, môi dưới và cằm trái do vật tày có cạnh gây nên.
6. Về thẩm mỹ và chức năng bộ phận cơ thể:
 - Thương tích vùng trán phải và vùng cằm trái gây ảnh hưởng thẩm mỹ ít.
 - Các thương tích không gây hạn chế chức năng bộ phận cơ thể.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 753/KL-PY ngày 27/12/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với bà Đặng Thị Mỹ D:

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích ở vùng trán – thái dương phải và vết thương vùng trán phải hiện tại là **13%** (Mười ba phần trăm)

- Vật chứng gửi giám định gây ra được vết thương ở vùng môi dưới, vùng má trái và vùng cằm của bà Đặng Thị Mỹ D.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định pháp y về thương tích số 706/KL-PY ngày 05/12/2017 và kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 753/KL-PY ngày 27/12/2017 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Kiên Giang.

Vật chứng trong vụ án:

1. Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng kiểu dáng phức tạp (bông hoa 06 cánh) có đính nhiều hạt đá màu trắng (đã qua sử dụng).

2. Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có kiểu dáng phức tạp (hình con cóc) có đính nhiều hạt đá màu trắng, xanh, đỏ, đen (đã qua sử dụng).

3. Một bình trà bằng kim loại màu trắng; trọng lượng 06gr; kích thước (14 x 16)cm, có đính miếng nhựa màu đen ở quay cầm và trên nắp bình; thân và đáy bình có dính nước sơn màu đỏ (đã qua sử dụng).

Các đồ vật 1, và 2 đã trả lại cho bà Phạm Thị M T là chủ sở hữu, theo quyết định số 31, ngày 09/01/2018; đồ vật số 3 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hà T3, tỉnh Kiên Giang.

Bị hại Đặng Thị Mỹ D yêu cầu bị cáo Phạm Thị M T bồi thường các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm chi phí điều trị vết thương, mất thu nhập trong thời gian điều trị, bù đắp tổn thất tinh thần, chi phí thẩm mỹ vết sẹo theo quy định pháp luật, trong đó chi phí điều trị có hóa đơn, chứng từ là 1.568.540 đồng. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường chi phí điều trị theo hóa đơn cho người bị hại. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Phạm Thị M T đã nộp số tiền khắc phục hậu quả là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5301 ngày 26/01/2018 và số 05319 ngày 14/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hà T3, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra Phạm Thị M T trình bày trong lúc xô sát, đánh nhau với bà D bị mất một số nữ trang gồm một chiếc bông tai vàng 18k, trọng lượng 0,2 chỉ và một sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 2,7 chỉ, nay yêu cầu bà D bồi tài sản bị mất theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSHT ngày 10/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà T3, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Phạm Thị M T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại cũng có một phần lỗi. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thị M T với mức hình phạt từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 585, 590 của Bộ luật dân sự và chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật và tính án phí hình sự, dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra- Công an thị xã Hà Tiên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: người làm chứng Nguyễn Mộng V, Huỳnh Văn L2 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đã có lời khai tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được chứng M tại phiên tòa. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác. Do đó đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị M T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;

- c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người;
- d) Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;
- e) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- f) Có tổ chức;
- g) Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;
- h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê;
- i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;
- k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

...

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên truy tố bị cáo Nguyễn Thị M T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (tương ứng khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009) là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Giữa bị cáo và bị hại khi nảy sinh mâu thuẫn lẽ ra phải có cách xử sự phù hợp nhưng lại dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, dẫn đến gây thương tích cho bị hại. Hành vi của bị cáo cho thấy bị cáo xem thường sức khỏe người khác, chưa tuân thủ các quy định của pháp luật. Với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo sống chấp hành theo quy định của pháp luật, biết tôn trọng sức khỏe của người khác, trở T4 công dân tốt, đồng thời phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[5] Về nhân thân của bị cáo, tài liệu về lý lịch cá nhân của bị cáo thể hiện bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội có phần lỗi của bị hại, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về hình phạt: Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng, đủ nghiêm để vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Mặt khác, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

là có căn cứ (tương ứng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009). Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 (tương ứng khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); có khả năng tự cải tạo. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo để xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đảm bảo cho việc giáo dục bị cáo, giúp bị cáo có điều kiện tự cải tạo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với thương tích của bà Đặng Thị Mỹ D ở vùng trán – thái dương phải và 02 vết thương vùng trán phải, trong quá trình điều tra không xác định được người gây ra nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với thương tích của bà của bà Phạm Thị M T tại phần mềm vùng mi dưới mắt phải do bà Đặng Thị Mỹ D dùng tay gây ra. Qua kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% nên không cấu T4 tội phạm. Thương tích tại vùng mặt lòng mô cái tay phải, có tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01%, không xác định được người gây ra thương tích nên không có cơ sở xử lý.

Đối với bà Đặng Thị Mỹ D có hành vi dùng bình trà bằng kim loại màu trắng ném trúng vào vùng trán trái của bà Phạm Thị M. Qua kết luận giám định, không thấy dấu vết thương tích do đã thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 00% nên hành vi của bà D không cấu T4 tội phạm.

Đối với Mã Thị T2 T2 có đánh nhau với bà T nhưng qua điều tra xác định T2 không gây thương tích cho bà T.

[8] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm chi phí điều trị vết thương, mất thu nhập trong thời gian điều trị, bù đắp tổn thất tinh thần, chi phí thẩm mỹ vết sẹo theo quy định pháp luật nhưng bị cáo chỉ đồng ý bồi thường chi phí điều trị theo hóa đơn. Do các bên không thỏa thuận được về số tiền bồi thường nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét, cụ thể bao gồm: bị hại điều trị vết thương tại bệnh viện đa khoa thị xã Hà Tiên thời gian từ ngày 25/8/2017 đến 31/8/2017 là 07 ngày, chi phí hợp lý cho việc điều trị vết thương theo hóa đơn, chứng từ là 1.568.540 đồng, thu nhập thực tế bị mất trong thời gian bị hại điều trị là 200.000 đồng x 07 ngày = 1.400.000 đồng, bù đắp tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng, tổng cộng 12.968.540 đồng (mười hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Đối với yêu cầu chi phí điều trị, thẩm mỹ các vết sẹo trên mặt của bị hại đối với các vết thương do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại chưa thực hiện việc điều trị, thẩm mỹ sẹo nên không xác định được chi phí hợp lý. Đối với

yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bị cáo T gồm một chiếc bông tai vàng 18k trọng lượng 0,2 chỉ và một sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 2,7 chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án Công an phường B và Cơ quan điều tra đã tiến hành xác M hiện trường và thu thập chứng cứ nhưng không thể hiện việc bị cáo T có mất nữ trang. Tại phiên tòa và bị cáo chưa đưa ra đủ chứng cứ chứng M việc bị mất nữ trang là do hành vi của bà D gây ra, vì vậy không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của bị cáo. Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tách một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bị hại đối với bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bị cáo đối với bị hại để giải quyết T4 vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L không yêu cầu chi Mã Thị T2 bồi thường thiệt hại giá trị 01 cái ly thủy tinh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp: Ghi nhận quyết định số 31 ngày 09/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Hà T3 về việc giao trả cho bị cáo Phạm Thị M T: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng kiểu dáng phức tạp (bông hoa 06 cánh) có đính nhiều hạt đá màu trắng (đã qua sử dụng); 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có kiểu dáng phức tạp (hình con cóc) có đính nhiều hạt đá màu trắng, xanh, đỏ, đen (đã qua sử dụng).

Đối với 01 bình trà bằng kim loại màu trắng; trọng lượng 06gr; kích thước (14 x 16)cm, có đính miếng nhựa màu đen ở quay cầm và trên nắp bình; thân và đáy bình có dính nước sơn màu đỏ do chủ sở hữu bà Trương Thị L không có yêu cầu nhận lại và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định, xét thấy vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 5% đối với số tiền phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị M T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Thị M T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/5/2018.

Giao bị cáo Phạm Thị M T cho Ủy ban nhân dân phường Bình San, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, 590 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Thị M T bồi thường thiệt hại cho bị hại Đặng Thị Mỹ D 12.968.540 đồng (mười hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Xử lý vật chứng; các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Ghi nhận quyết định số 31 ngày 09/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Hà T3 về việc giao trả cho bị cáo Phạm Thị M T: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng kiểu dáng phức tạp (bông hoa 06 cánh) có đính nhiều hạt đá màu trắng (đã qua sử dụng); 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có kiểu dáng phức tạp (hình con cóc) có đính nhiều hạt đá màu trắng, xanh, đỏ, đen (đã qua sử dụng).

Tịch thu tiêu hủy 01 bình trà bằng kim loại màu trắng; trọng lượng 06gr; kích thước (14 x 16)cm, có đính miếng nhựa màu đen ở quay cầm và trên nắp bình; thân và đáy bình có dính nước sơn màu đỏ.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Thị M T nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), nộp án phí dân sự sơ thẩm 648.427 đồng (sáu trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng), tổng cộng 848.427 đồng (tám trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng)

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tx Hà Tiên;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS thị xã Hà Tiên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Phương